

## KẾT QUẢ KINH DOANH

|            |             |         |         |
|------------|-------------|---------|---------|
| Ngày       | 171,900 VNĐ |         |         |
| 31/12/2024 |             |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng     | 3 tháng | 6 tháng |
|            | -0.3%       | -       | -       |

|             |        |                          |
|-------------|--------|--------------------------|
| DT<br>thuần | 2024   |                          |
|             | 4.64   | YoY<br>▼ 4.36<br>▼ 48.5% |
|             | tỷ VNĐ |                          |

|        |        |                          |
|--------|--------|--------------------------|
| LN gộp | 2024   |                          |
|        | -9.76  | YoY<br>▼ 1.12<br>▼ 12.9% |
|        | tỷ VNĐ |                          |

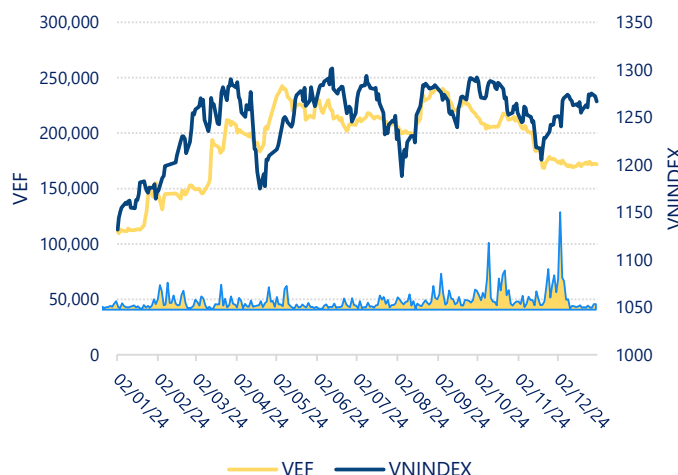
|             |        |                        |
|-------------|--------|------------------------|
| LN<br>thuần | 2024   |                        |
|             | 1,189  | YoY<br>▲ 643<br>▲ 118% |
|             | tỷ VNĐ |                        |

|                |        |                        |
|----------------|--------|------------------------|
| LN sau<br>thuế | 2024   |                        |
|                | 942    | YoY<br>▲ 507<br>▲ 117% |
|                | tỷ VNĐ |                        |

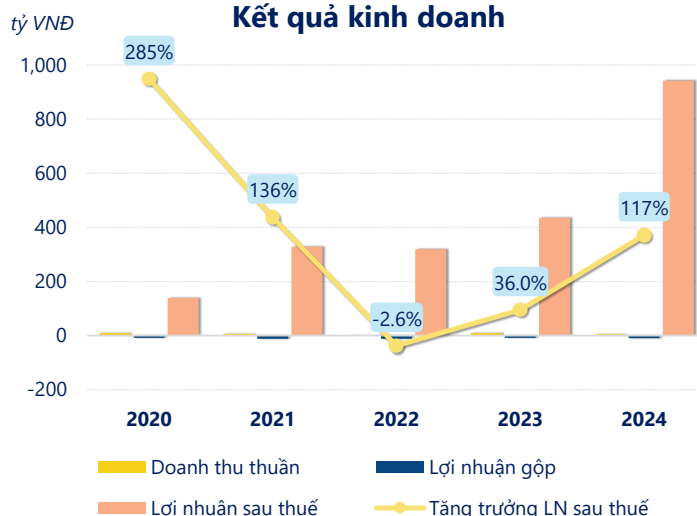
|     |       |                    |
|-----|-------|--------------------|
| ROE | 2024  |                    |
|     | 26.6% | +/- YoY<br>▲ 11.4% |
|     |       |                    |

|     |      |                   |
|-----|------|-------------------|
| ROA | 2024 |                   |
|     | 1.6% | +/- YoY<br>▼ 3.1% |
|     |      |                   |

Lịch sử giá

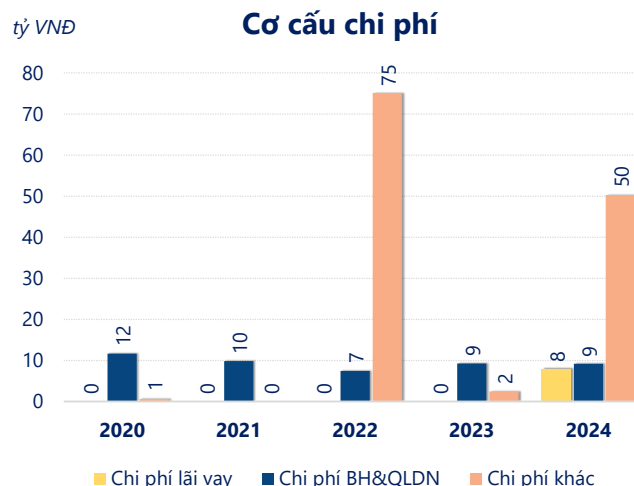
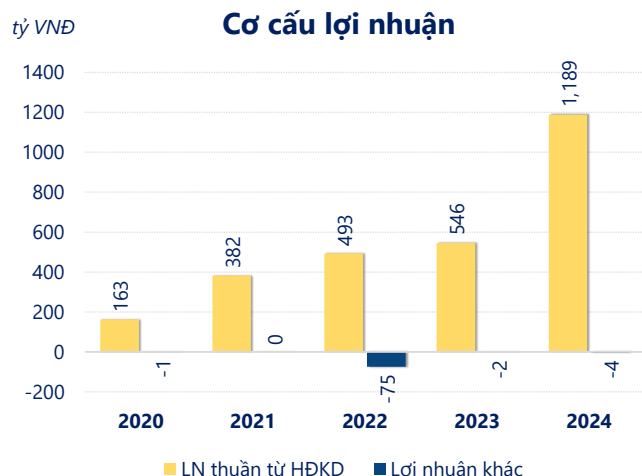


Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **VEF** năm **2024**, doanh thu thuần **giảm mạnh 48.5%** chỉ còn **4.64** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 117%** đạt **942.2** tỷ đồng.

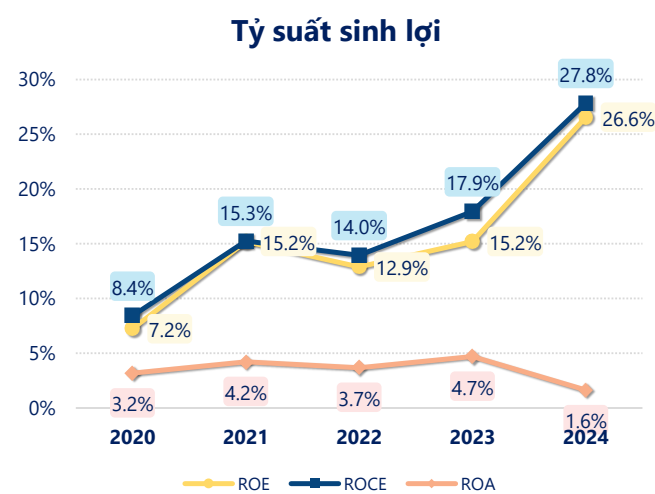
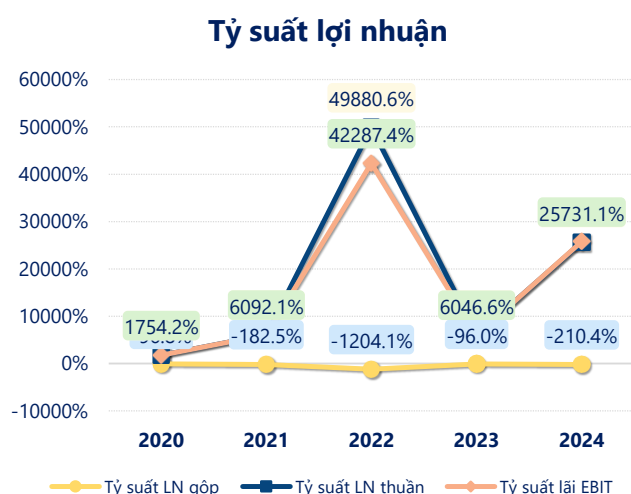
Mặc dù doanh thu thuần sụt giảm nhưng công ty vẫn đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cùng với **ROE** đạt **26.6%**. Cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty được tối ưu.



Năm **2024**, VEF có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **1,189** tỷ đồng, **tăng lên 642.4** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (554.5 tỷ đồng) là 634.1 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

**Chi phí lãi vay tăng** lên so với năm trước, ở mức **7.94** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **9.15** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **50.30** tỷ đồng, **tăng** lên so với năm trước.

**ROE** của VEF năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **26.6%**, đây là mức **ROE cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.



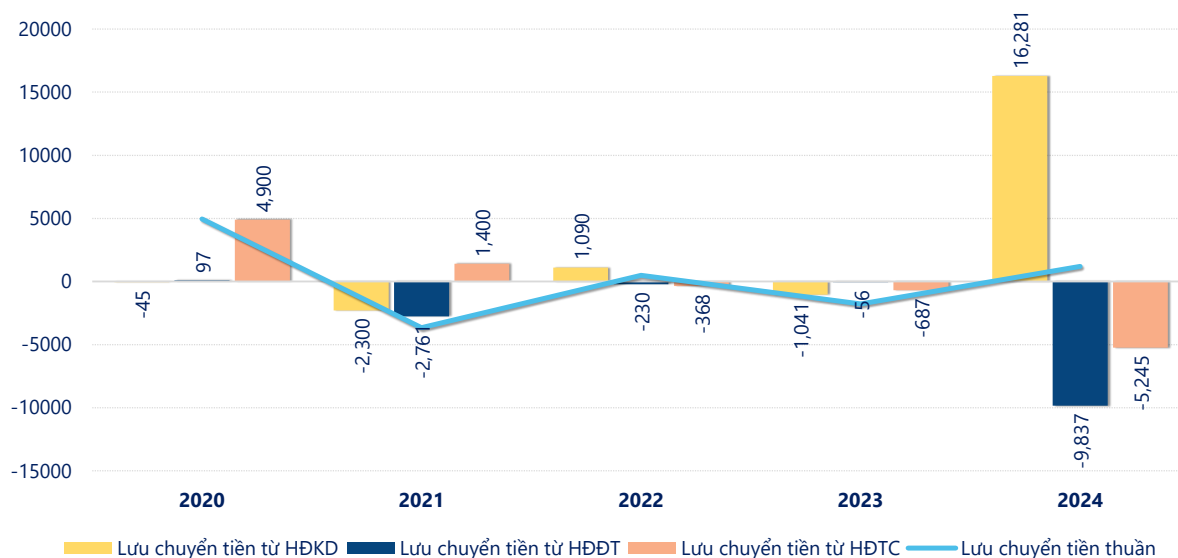
## KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

|                           | 2020         | 2021         | 2022         | 2023         | 2024         |
|---------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>    | <b>9.23</b>  | <b>6.26</b>  | <b>0.99</b>  | <b>9.00</b>  | <b>4.64</b>  |
| Giá vốn hàng bán          | 18.2         | 17.7         | 12.9         | 17.6         | 14.4         |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>      | <b>-8.94</b> | <b>-11.4</b> | <b>-11.9</b> | <b>-8.64</b> | <b>-9.76</b> |
| Doanh thu HĐTC            | 183          | 403          | 513          | 564          | 1,255        |
| Chi phí TC                | 0            | 0            | 0            | 0.03         | 47.0         |
| <b>Chi phí lãi vay</b>    | <b>0</b>     | <b>0</b>     | <b>0</b>     | <b>0</b>     | <b>7.94</b>  |
| LN trong công ty LKLD     | 0            | 0            | 0            | 0            | 0            |
| Chi phí bán hàng          | 1.81         | 1.67         | 0.09         | 2.29         | 0.45         |
| Chi phí QLDN              | 9.85         | 8.15         | 7.38         | 6.99         | 8.70         |
| <b>LN thuần từ HĐKD</b>   | <b>163</b>   | <b>382</b>   | <b>493</b>   | <b>546</b>   | <b>1,189</b> |
| Lợi nhuận khác            | -0.66        | 0.04         | -75.1        | -2.08        | -3.62        |
| <b>LN trước thuế</b>      | <b>162</b>   | <b>382</b>   | <b>418</b>   | <b>544</b>   | <b>1,185</b> |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b> | <b>139</b>   | <b>328</b>   | <b>320</b>   | <b>435</b>   | <b>942</b>   |
| <b>LNST của CĐ cty mẹ</b> | <b>139</b>   | <b>328</b>   | <b>320</b>   | <b>435</b>   | <b>942</b>   |

tỷ VNĐ

## Lưu chuyển tiền



**Lưu chuyển tiền thuần** năm 2024 của VEF bằng **1,199** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-1,784 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **16,281** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-9,837** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-5,245** tỷ đồng.